TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/DS - PT
Ngày 02 - 02 - 2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Long Kiếm;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuệ;

Bà Lương Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Nhàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2017/TLPT-DS ngày 30 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17/2017/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2017 (và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐ-PT ngày 17/01/2018) giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Tô Văn C (vắng mặt) và bà Y (bà Y đã chết ngày 06/11/2016 theo bản sao trích lục khai tử số 191/TLKT-BS ngày 23/11/2016 của Ủy ban nhân dân xã Đ).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà T (văn bản ủy quyền ngày 12/12/2013). Có mặt.

Ông Tô Văn C và bà T cùng cư trú tại: Xóm N, thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông C1, Luật sư Văn phòng luật sư C2, Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông B (tên gọi khác S); cư trú tại: Xóm A, thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà L1, Luật sư cộng tác viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông C2. Có mặt.

2. Ông C3. Có mặt.

3. Bà T. Có mặt.

Ông C2, ông C3 và bà T cùng cư trú tại: Xóm N, thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

4. Bà B1; cư trú tại: Xóm A, thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

5. Ban chỉ huy quân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông M – Trợ lý tác huấn Ban chỉ huy quân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn (theo giấy ủy quyền số 660/GUQ-BCH ngày 11/7/2017). Vắng mặt.

6. Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông P – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

7. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Q – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L, tỉnh Lạng Sơn (theo giấy ủy quyền số 77/GUQ-UBND ngày 28/6/2017). Vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Ông B, là bị đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đất tranh chấp có địa danh G thuộc thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Nguyên đơn, ông Tô Văn C và bà Y cho rằng: Diện tích đất trên có nguồn gốc là do ông cha để lại. Trên khu rừng đã trồng thông, quýt, nhãn, bưởi và một số cây gỗ tạp khác. Những cây thông to vãi hạt từ năm 1987, những cây thông nhỏ trồng từ năm 1995 đến năm 2000, hàng năm gia đình vẫn quản lý, thu hái thường xuyên. Ngày 25/8/2008 cán bộ UBND xã Đ cùng với ông B đến khu rừng G mà gia đình ông bà đang quản lý đo mốc giới rồi ra thông báo giao cho ông B sử dụng, ông bà đã làm đơn khiếu nại, nhưng UBND xã vẫn tiếp tục giao cho ông B. Gia đình ông bà tiếp tục làm đơn khiếu nại lên UBND huyện L; UBND đã ban hành quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 05/01/2010 bác đơn của ông bà. Sau đó ông bà tiếp tục làm đơn khiếu nại đến UBND tỉnh, ngày

22/7/2010 chủ tịch UBND huyện L ban hành quyết định số 931/QĐ-UBND thu hồi quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 02/01/2010 với lý do việc giải quyết không đúng thẩm quyền, trái với quy định tại khoản 1 Điều 136 luật đất đai năm 2003. Đến ngày 29/9/2010 gia đình ông bà vào khu rừng phát cỏ thì bị ông B ngăn cản. Ông C, bà Y khởi kiện yêu cầu được quản lý, sử dụng 18.400m^2 diện tích đất tranh chấp và toàn bộ tài sản trên đất tranh chấp.

Bị đơn ông B trình bày: Khu đất rừng G có nguồn gốc là do ông cha để lại. Trên đất có một số cây quýt do mẹ ông trồng từ trước, hàng năm ông và gia đình vẫn đến thu hoạch. Năm 1995 ông trực tiếp mua 02 bó cây thông con với ông H người cùng thôn trồng xuống khu đất đang tranh chấp, nay đã được khai thác, ngoài ra trên đất còn có một số cây gỗ tạp tự mọc. Sau khi bố ông chết, năm 2005 ông R (là bác ruột) đến tranh chấp với ông cũng chính tại khu rừng này, việc tranh chấp đã được UBND xã Đ giải quyết giao cho gia đình ông quản lý. Năm 2007 - 2008 ông C2 (con ông C bà Y) tự ý vào hái củi, chặt quanh gốc 20 cây thông và xảy ra tranh chấp; vụ việc đã được UBND xã giải quyết giao cho gia đình ông quản lý, nhưng gia đình ông C làm đơn kiến nghị lên UBND huyện, ngày 05 tháng 01 năm 2010 UBND huyện L đã ra quyết định số 02/QĐ-UBND bác đơn kiến nghị của ông C, gia đình ông C tiếp tục làm đơn khiếu nại lên UBND tỉnh và UBND huyện. Ngày 22/7/2010 UBND huyện L lại ban hành quyết định số 931/QĐ-UBND thu hồi quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 05/01/2010.

Ông không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông C, bà Y đòi quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp trên và tài sản gắn liền với đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C2; C3; T đều trình bày:

Khu rừng G do ông cha để lại, những cây thông to do bà Yến lấy hạt thông về vãi từ năm 1987 mọc như hiện nay và một số cây quýt đã trồng trước đó, hàng năm gia đình vẫn thường xuyên chăm sóc, quản lý, sử dụng, thu hái quả và cạo nhựa thông, gia đình ông B không ai có ý kiến gì. Việc ông B khai năm 2005 ông R đến tranh chấp với ông, UBND xã hòa giải và giao cho gia đình ông B quản lý, gia đình các ông không ai biết. Nay ông B cho là rừng của ông và yêu cầu được quản lý, sử dụng, ông C3, ông C2 và bà T đều không chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B1 trình bày:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất tranh chấp như ông B (chồng bà) đã trình bày là đúng, từ ngày bà về làm dâu (lấy ông B) đã được mẹ chồng nói là những cây quýt ở rừng G là do mẹ trồng, còn thông là do ông B trồng, hàng năm bà và gia đình vẫn thu hái, chăm sóc. Nay ông C, bà Y khởi kiện đòi quản lý, sử dụng khu rừng trên bà không nhất trí.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2015/DSST ngày 25/4/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc đã quyết định:

Áp dụng khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2014. Các Điều 192,193, 255, 688 Bộ luật dân sự năm 2005;

1. Công nhận quyền sở hữu tài sản gồm 259 cây thông có đường kính từ 12 đến 42 cm, 06 cây quýt đã thu hoạch trên 07 năm và những cây gỗ tạp khác trên diện tích 18.400m^2 (1,84ha) đất rừng tại G thuộc một phần lô 72, khoảnh 16, tiểu khu 289, tờ bản đồ số 04 xã Đ đo vẽ năm 2010 thuộc ông Tô Văn C và bà Hoàng Thị Yến.

Tạm giao diện tích 18.400m^2 (1,84ha) đất rừng tại G thuộc một phần lô 72, khoảnh 16, tiểu khu 289, tờ bản đồ số 04 xã Đ đo vẽ năm 2010 có các cạnh ABCDEFGH, trong đó cạnh AB dài 22,5m và BC dài 18,6m giáp ruộng và đất rừng ông Tô Văn C, bà Y; Cạnh CD giáp đất rừng ông R; Cạnh DE giáp đất rừng ông R1; Cạnh EF giáp đất rừng R2; Các cạnh FGH giáp đất rừng ông Tô Văn C, bà Hoàng Thị Yến; Cạnh HA giáp ruộng ông Tô Văn C, bà Y cho ông Tô Văn C và bà Y được quyền quản lý, sử dụng *(có sơ họa thửa đất tranh chấp kèm theo).*

2. Bác yêu cầu của ông B đòi quyền quản lý, sử dụng diện tích 18.400m^2 (1,84ha) và tài sản gắn liền với đất rừng tại G thuộc một phần lô 72, khoảnh 16, tiểu khu 289, tờ bản đồ số 04 xã Đ đo vẽ năm 2010. Vì không có căn cứ...

Không nhất trí với nội dung bản án, trong hạn luật định bị đơn ông B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp và toàn bộ tài sản trên đất tranh chấp.

Ngày 15/6/2015 Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án do các bên đương sự không xác định được ranh giới tiếp giáp cụ thể và không thống nhất được diện tích đất tranh chấp, nên các bên đương sự đều đề nghị Tòa án phối hợp với cơ quan chuyên môn tiến hành đo đạc lại để xác định chính xác diện tích đất tranh chấp.

Ngày 16/5/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã ra quyết định trưng cầu giám định. Tại kết luận giám định tư pháp ngày 25/8/2016 đã kết luận khu đất tranh chấp có tổng diện tích là 17.685,2m^2. Trong đó:

- 9.181,2m^2 (đất lâm nghiệp) thuộc một phần thửa số 72, tờ bản đồ địa chính số 04, tỷ lệ 1/10.000, xã Đ, huyện L; tên người sử dụng, quản lý là UBND xã Đ, huyện L, hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ 8.200,5m^2 (đất lâm nghiệp) thuộc một phần thửa số 84, tờ bản đồ địa chính số 04, tỷ lệ 1/10.000, xã Đ, huyện L; tên người sử dụng, quản lý là UBND xã Đ, huyện L, hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ 24,0m^2 (đất lâm nghiệp) thuộc một phần thửa số 83, tờ bản đồ địa chính số 04, tỷ lệ 1/10.000, xã Đ, huyện L; tên người sử dụng, quản lý là Ban chỉ huy quân sự huyện L, hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ 279,5m^2 (đất nông nghiệp) thuộc thửa số 21, tờ bản đồ địa chính số 47, tỷ lệ 1/10.000, xã Đ, huyện L; tên người sử dụng, quản lý là ông C2 và bà T, địa chỉ Thôn K, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, thửa đất đã được cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số Sêri BR 904303 vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01463.

Tại bản án số 16/2017/DS-PT ngày 28/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã xử: Tuyên hủy bản án sơ thẩm số 02/2015/DSST ngày 25/4/2015 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án huyện L giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Lý do hủy: Thiếu người tham gia tố tụng; đánh giá chứng cứ chưa đủ cơ sở vững chắc; chưa làm rõ có việc giao khoán đối với đất rừng đang tranh chấp hay không?

Sau khi nhận được hồ sơ do Tòa án nhân dân tỉnh chuyển về, ngày 28 tháng 4 năm 2017 Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc đã thụ lý lại vụ án để giải quyết theo thủ tục chung. Sau khi ra thông báo thụ lý vụ án gửi cho các bên đương sự, các bên đương sự đã viết bản tự khai gửi Tòa án theo quy định.

Người được nguyên đơn ủy quyền: Bà T vẫn giữ nguyên những nội dung đã trình bày là đề nghị Tòa án công nhận quyền quản lý, sử dụng hợp pháp khu rừng G thuộc thôn Khuôn Cuổng, xã Đ, huyện L có diện tích 17.381,7m^2 thuộc một phần thửa số 72; một phần thửa số 84 và tài sản trên đất là 259 cây Thông có đường kính từ 12cm – 14cm; 06 cây Quýt đã thu hoạch quả 07 năm và các cây gỗ tạp cho ông Tô Văn C; công nhận quyền quản lý, sử dụng hợp pháp diện tích đất 279,5m^2 thuộc thửa số 21, tờ bản đồ địa chính số 47 cho bà T và ông C2 và rút yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất 24m^2 thuộc một phần thửa 83, tờ bản đồ địa chính số 04 vì đất đó thuộc đất của Ban chỉ huy quân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà T (người được nguyên đơn ủy quyền) bổ sung yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại số nhựa thông mà ông B đã khai thác từ năm 2013 đến nay tương đương với số tiền khoảng 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng chẵn).

Bị đơn: Ông B vẫn giữ những nội dung như đã trình bày và yêu cầu được tiếp tục quản lý sử dụng diện tích 17.381,7m^2 thuộc một phần thửa số 72; một phần thửa số 84; tài sản trên đất là 259 cây thông có đường kính từ 12cm – 14cm; 06 cây quýt đã thu hoạch quả 07 năm và các cây gỗ tạp khác và 279,5m^2 đất thuộc thửa số 21, tờ bản đồ địa chính số 47. Còn đối với diện tích đất 24m^2 thuộc một phần thửa 83, tờ bản đồ địa chính số 04 thuộc đất của Ban chỉ hủy quân sự huyện L thì trả lại cho Ban chỉ huy quân sự huyện L.

Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Đại diện Ban chỉ huy quân sự huyện L trình bày: Đối với diện tích đất 24m^2 thuộc một phần thửa 83, tờ bản đồ địa chính số 04 thuộc đất của Ban chỉ huy quân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn thì Ban chỉ huy quân sự huyện vẫn yêu cầu tiếp tục quản lý sử dụng, còn các phần khác không liên quan, đại diện Ban chỉ huy quân sự huyện không có ý kiến gì.

Đại diện Ủy ban nhân dân xã Đ và đại diện UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn đều trình bày: Đối với diện tích đất 17.381,7m^2 khi đo vẽ bản đồ địa chính

chưa có căn cứ giao cho ai, nên Ủy ban xã Đ vẫn đứng tên quản lý, nhưng thực tế phần đất trên hiện nay các hộ dân vẫn đang sử dụng. Do đó đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để xem xét giải quyết cho đúng chủ sử dụng.

Ông C2 và ông C3 đều trình bày: Các ông hoàn toàn nhất trí với ý kiến của bà T, ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

Bà B1 nhất trí với ý kiến trình bày của của bị đơn ông B, ngoài ra không có gì bổ sung thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc đã quyết định:

Căn cứ Điều 4; khoản 2 Điều 5; Điều 101; khoản 5 Điều 166; khoản 1 Điều 202; khoản 2 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 5; khoản 9 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 70; Điều 74; khoản 2 Điều 71; khoản 1 Điều 146; khoản 1 Điều 147; Điều 157; khoản 1 Điều 161; khoản 2 Điều 210 và Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273; của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 163; Điều 169; Điều 221 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; điểm a khoản 1 Điều 29 Pháp lệnh số: 02/2012/UBTVQH13, ngày 28/3/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn C: Tạm giao diện tích 17,381,7m^2 thuộc một phần thửa số 72 và một phần thửa số 84, tờ bản đồ số 04, bản đồ địa chính xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đất rừng tại G có các điểm (từ điểm 1 -2 giáp mép vườn quả, từ điểm 3 – 4 giáp nương; từ điểm 4 – 6 giáp đất ông Tô Văn C; từ điểm 6 – 9 giáp đất rừng ông R2; từ điểm 9 – 12 giáp đất rừng ông R1; từ điểm 12 – 1 giáp đất rừng ông R1) cho ông Tô Văn C được quyền quản lý, sử dụng. (*có sơ họa thửa đất tranh chấp kèm theo*).

Công nhận quyền sở hữu tài sản gồm 259 cây thông có đường kính từ 12 đến 42 cm, 06 cây quýt đã thu hoạch trên 07 năm và những cây gỗ tạp khác trên diện tích 17,381,7m^2 thuộc một phần thửa số 72 và một phần thửa số 84, tờ bản đồ số 04, bản đồ địa chính xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đất rừng tại G cho ông Tô Văn C.

2. Công nhận quyền sử dụng diện tích 279,5m^2 thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 47, bản đồ địa chính xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đất rừng tại G (trong điểm 3 - 4) cho bà T và ông C2. (*có sơ họa thửa đất tranh chấp kèm theo*).

3. Bác yêu cầu của ông B đòi quyền quản lý, sử dụng diện tích 17,381,7m^2 thuộc một phần thửa số 72; một phần thửa số 84, tờ bản đồ số 04 và tài sản gồm

259 cây thông có đường kính từ 12 đến 42 cm, 06 cây quýt đã thu hoạch trên 07 năm và những cây gỗ tạp khác và diện tích 279,5m^2 thuộc thửa số 21, tờ bản đồ số 47, bản đồ địa chính xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đất rừng tại G.

4. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của ông Tô Văn C: Yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 24m^2 thuộc một phần thửa 83, tờ bản đồ địa chính số 04 xã Đ, huyện L thuộc đất của Ban chỉ huy quân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

5. Bác yêu cầu của bà T yêu cầu ông B bồi thường thiệt hại số nhựa Thông với số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng).

6. Về án phí: Ông B phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 5.506.000đ (năm triệu năm trăm linh sáu nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước. Hoàn trả lại cho bà Hoàng Thị Yến (do bà T nộp thay) số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2011/01947 ngày 04/11/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc.

7. Về chi phí giám định: Ông B phải chịu toàn bộ tiền chi phí giám định là 12.325.000đ (Mười hai triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Ông B phải hoàn trả cho ông Tô Văn C (do bà T nộp thay) số tiền tạm ứng chi phí giám định đã nộp là 6.162.500đ (Sáu triệu một trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Ngày 20/7/2017, bị đơn là ông B kháng cáo; ngày 06/10/2017 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị đối với bản án sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc.

- Ông B đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết công nhận quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp và tài sản trên đất cho ông và xem xét lại tiền án phí dân sự có giá ngạch và chi phí giám định.

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn do Tòa cấp sơ thẩm đã có các vi phạm: Chưa làm rõ yêu cầu khởi kiện của đương sự; vi phạm quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự; vi phạm quy định về những trường hợp không được làm người đại diện (người ủy quyền và người được ủy quyền có quyền lợi đối lập); tuyên vượt quá phạm vi giải quyết của Tòa án (công nhận quyền sử dụng diện tích 279,5 m^2 cho bà T và ông C2 mà không có ai yêu cầu); thu thập, đánh giá chứng cứ chưa phù hợp và không đảm bảo khách quan và một số vi phạm về nghĩa vụ chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận; chưa xác định những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn, ông B và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp giữ nguyên nội dung kháng cáo. Yêu cầu sửa án sơ thẩm giao cho ông quản lý, sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp và tài sản trên đất. Nếu không khắc phục được vi phạm tố tụng tại cấp phúc thẩm thì nhất trí với kháng

nghị của Viện kiểm sat đề nghị hủy án sơ thẩm.

Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý và giải quyết tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định kháng nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 05/2017/D-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[2] Ông C2 và bà T không có yêu cầu độc lập đối với phần diện tích 279,5m^2 (đất nông nghiệp) thuộc thửa số 21, tờ bản đồ địa chính số 47 nhưng bản án sơ thẩm đã quyết định công nhận quyền sử dụng diện tích đất nêu trên cho bà T và ông C2. Vi phạm quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Đối với yêu cầu của bà T đòi ông B phải bồi thường thiệt hại số nhựa thông với số tiền 600.000.000đồng. Tại phần nhận định của bản án sơ thẩm đã kết luận: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa bà T không có đơn yêu cầu gửi cho Tòa án và không có chứng cứ cụ thể kèm theo để Hội đồng xét xử xem xét giải quyết và vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, không tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Theo quy định, phần nội dung vượt quá này tòa án không xem xét đến. Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án sơ thẩm lại tuyên "Bác yêu cầu của bà T yêu cầu ông B bồi thường thiệt hại số nhựa Thông với số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng chẵn)". Như vậy, bản án sơ thẩm đã tuyên vượt quá phạm vi giải quyết của vụ án, vi phạm Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Về việc ủy quyền tham gia tố tụng giữa nguyên đơn và bà T, thấy rằng: Trong diện tích tranh chấp có 279,5m^2 (đất nông nghiệp) thuộc thửa số 21, tờ bản đồ địa chính số 47, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C2 và bà T. Ông Tô Văn C và bà Hoàng Thị Yến yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích tranh chấp, trong đó có 279,5m^2 đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C2, bà T. Như vậy, bà T có quyền lợi đối lập với nguyên đơn. Vì vậy, thuộc trường hợp không được làm người đại diện cho nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 87 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Bà Hoàng Thị Yến (vợ ông Tô Văn C) đã chết ngày 06/11/2016 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xác định những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố

tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Vi phạm khoản 1 Điều 74 của Bộ Luật tố tụng dân sự

[6] Từ những phân tích trên thấy rằng, bản án sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục: Giải quyết vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, vi phạm quyền tự định đoạt của đương sự; chấp nhận ủy quyền của các đương sự không đúng, vi phạm quy định về những trường hợp không được làm người đại diện (người ủy quyền và người được ủy quyền có quyền lợi đối lập); không xác định người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng khi bị đơn đã chết; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ. Cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[7] Do hủy bản án nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm sẽ được xem xét giải quyết khi xét xử sơ thẩm lại vụ án

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên ông B không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 05/2017/D-ST ngày 08/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm sẽ được xem xét giải quyết khi xét xử sơ thẩm lại vụ án.

Án phí phúc thẩm: Ông B không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả ông B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số AA/2012/05006 ngày 29/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Cao Lộc;
- CCTHDS huyện Cao Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa dân sự;
- HCTP; KTNV&THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Long Kiếm